

Bản án số: 02/2025/DS - ST
Ngày: 22/8/2025
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CAO BẰNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Quang Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mã Thị Huệ.

Ông Hoàng Văn Học

- **Thư ký phiên tòa:** Bà La Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng:** Bà Nông Thị Huyền Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng, xét xử công khai vụ án thụ lý số 13/2024/TLST - DSST ngày 01 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Hoàng Quốc S, sinh năm 1968; Địa chỉ: Xóm V, xã T, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

- **Bị đơn:**

1. Ông Hoàng Văn C, sinh năm 1969.

2. Ông Hoàng Văn Đ, sinh năm 1967.

Cùng địa chỉ: Xóm V, xã T, tỉnh Cao Bằng; đều có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. UBND xã T, tỉnh Cao Bằng;

2. Bà Lê Thị X, sinh năm 1976.

3. Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1960.

4. Bà Hoàng Thị T1, sinh năm 1966.

5. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1960.

Cùng địa chỉ: Xóm V, xã T, tỉnh Cao Bằng.

6. Bà Hoàng Thị T2, sinh năm 1959; địa chỉ: Thôn T, phường B, tỉnh Thái Nguyên.

Có mặt bà Lê Thị X, Hoàng Thị T, Hoàng Thị T1, Hoàng Thị T2.

Vắng mặt: Ủy ban nhân dân xã T, bà Nguyễn Thị P (đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người làm chứng*: Ông Hoàng Văn L, sinh năm 1962. Địa chỉ: Xóm V, xã T, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Hoàng Quốc S trình bày:

Gia đình ông Hoàng Quốc S có khu đất rừng liền nhà ở được tiếp quản và quản lý từ ông bà, bố mẹ từ năm 1957 liên tục không bỏ hoang năm nào, có tổng diện tích khoảng 1.700 m², nằm trong thửa đất số 543, tờ bản đồ số 01 đất rừng thị trấn có địa chỉ tại: Xóm N, thị trấn H, T, Cao Bằng (nay là xóm V, xã T, tỉnh Cao Bằng); có tứ cận tiếp giáp: Phía đông tiếp giáp đất ở nhà ông S; phía tây tiếp giáp rừng và vườn ông Hoàng Văn Đ; phía nam tiếp giáp rừng ông Hoàng Văn L1; phía bắc tiếp giáp ruộng ông Hoàng Văn Đ và Hoàng Văn C. Đến năm 2001, do nhầm lẫn các cơ quan cấp trên đã cấp nhầm toàn bộ số đất nói trên của gia đình ông vào sổ đỏ đất lâm nghiệp của hộ ông Hoàng Văn D (bố ông Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn C). Từ đó gia đình ông C sang chặt phá và trồng cây xa mộc trên đất rừng nhà ông. Gia đình ông S đã nhiều lần làm đơn lên Ủy ban nhân dân xã T để giải quyết. Quá trình giải quyết các cơ quan có thẩm quyền đã tách ra giải quyết phần đất ở và đất rừng riêng, đến năm 2023 đã giải quyết xong phần đất ở.

Tại đơn khởi kiện ông Hoàng Quốc S yêu cầu ông Hoàng Văn C, Hoàng Văn Đ trả lại phần đất rừng tranh chấp nêu trên cho gia đình ông.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn C trình bày:

Không đồng ý với yêu cầu của ông Hoàng Quốc S vì: Phần đất tranh chấp có diện tích khoảng 1.700 m² nằm trong thửa 543, tờ bản đồ số 01 (nay là thửa 490, tờ bản đồ số 3 diện tích 9.025,5 m²) có địa chỉ tại xóm V, xã T, tỉnh Cao Bằng do ông Hoàng Văn T3 (còn gọi là ông Hoàng Văn P1 là ông nội ông C, ông Đ) mua lại với ông Hoàng Văn Đ1. Từ đó gia đình đã quản lý và khai thác ổn định, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy nhiên do cấp trùng lên diện tích đất ở của gia đình khác nên đã thu hồi. Ông C và ông Đ đã trồng các loại cây trên khu đất này được hơn 30 năm. Tại biên bản họp xóm năm 2003, các cụ cao niên trong xóm đã xác nhận thửa đất trên là của gia đình ông.

Khi xảy ra tranh chấp hai bên đã được hòa giải và Ủy ban nhân dân thị trấn T đã xác định nguồn gốc thửa đất là do ông Hoàng Văn T3 mua với ông Hoàng Văn Đ1. Gia đình ông C, ông Đ đã quản lý, sử dụng lâu dài và được nhà nước cấp tiền khoanh nuôi rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Gia đình ông S không quản lý, sử dụng phần diện tích đất tranh chấp. Việc ông S khởi kiện là không có căn cứ.

Quá trình giải quyết vụ án những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Lê Thị X: Năm 1993, bà X về làm vợ ông Hoàng Quốc S và đã sinh sống trên khu đất khu đất đang tranh chấp, cùng mẹ chồng quản lý khu rừng. Đến năm 1995, nhà bà X sửa nhà, thì chủ yếu chặt cây vầu ở rừng này. Đến năm 2002, gia đình bà X làm nhà xuống bên dưới đường, có thuê máy về mức đất thì gia đình nhà ông Đ không cho làm vì cho rằng đó là đất nhà ông Đ. Khi ông Đ, ông C sang chặt phá cây vầu và trồng cây sa mộc, gia đình bà có can ngăn, gọi Công an xóm, Công an xã và phản ánh với các cấp chính quyền nhưng chưa giải quyết xong. Về nguồn gốc thửa đất bà X được nghe mẹ chồng nói là đất được thừa kế từ ông bà để lại, bìa đỏ được cấp cho ông Hoàng Văn D cũng đã bị thu hồi vào năm 2009. Sự việc tranh chấp đã lâu, chưa giải quyết xong, bà X nhất trí với ý kiến của ông S, đề nghị ông Đ, ông C trả lại phần đất tranh chấp cho gia đình bà.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hoàng Thị T2, Hoàng Thị T, Hoàng Thị T1 khai: Nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp đúng như chú C, chú Đ trình bày. Đất do ông nội của các bà (ông T3) mua với ông Hoàng Văn Đ1. Sau khi ông T3 chết bà Lục Thị Y (bà nội) quản lý, trồng cây trên thửa đất này. Sau khi bố của các bà là ông D phục viên về, gia đình bà vẫn quản lý, khai thác trên thửa đất. Những năm 90 gia đình các bà đã trồng cây sa mộc trên thửa đất này, việc ông S khởi kiện tranh chấp các bà không nhất trí. Việc bố, mẹ các bà để cho chú C, chú Đ quản lý, sử dụng phần đất đang tranh chấp các bà nhất trí.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị P (vợ của ông Nông Văn L2) khai nhận: Phần đất tranh chấp và phần đất của gia đình bà đã có ranh giới rõ ràng, được các ông bà đào từ xưa, không có tranh chấp gì. Về nguồn gốc thửa đất tranh chấp và quá trình canh tác bà không biết.

Người làm chứng ông Hoàng Văn L trình bày: Ông là cháu của ông Hoàng Văn Đ1, từ những năm 1930 ông Đ1 đã bán phần đất rừng tranh chấp cho ông nội của ông Đ, ông C. Từ đó về sau đất do ai quản lý ông không nắm được.

Tại Biên bản họp xóm ngày 04/11/2003 thành phần gồm có các cụ cao niên trong xóm, gia đình ông Hoàng Văn Đ, ông Hoàng Quốc S, kết quả cuộc

hợp xác định nguồn gốc thửa đất tranh chấp là của ông nội ông Hoàng Văn Đ là ông Hoàng Văn P1 mua với ông Hoàng Văn Đ1.

Tại Báo cáo số 26/BC-TTr ngày 27/5/2010 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc xác minh tính hợp pháp việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00108 ngày 26/12/2001, kết quả thẩm tra, xác minh như sau: Ông Hoàng Văn D có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất rừng đề ngày 15/12/2000 được Ủy ban nhân dân thị trấn H duyệt ngày 16/8/2001. Số thửa 234, diện tích 12.000 m², tờ bản đồ địa chính đất rừng của thị trấn H được các cấp có thẩm quyền phê duyệt ngày 07/7/2001. Qua xác minh thực tế tại hiện trường, đối chiếu với bản đồ lâm nghiệp đo năm 2001 thì số thửa 234, diện tích 12.000 m² đã khoanh trôm lên đất nhà và vườn gia đình bà U tại thửa số 29 diện tích 1.038,2 m² tờ bản đồ số 46. Do đó Ủy ban nhân dân huyện T đã ra Quyết định số 1239/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2009 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 00108 QSDĐ của ông Hoàng Văn D để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới. Vì vậy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00108 QSDĐ ngày 26/12/2001 được cấp cho ông Hoàng Văn D không có giá trị pháp lý. Ngày 27/9/2004 ông Hoàng Văn D có đơn xin cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; ngày 22/11/2004 Chủ tịch UBND xã duyệt; thủ trưởng cơ quan địa chính xác nhận vào ngày 10/6/2005 và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới cho ông Hoàng Văn D, số H00923 (số seri AG 877891), thửa đất số 543, diện tích 14.943 m², tờ bản đồ số 01 đất rừng thị trấn H. Tuy nhiên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này đã bị thu hồi theo quyết định số 1128/QĐ-UBND ngày 06/10/2010 của Ủy ban nhân dân huyện T với lý do: Thửa đất 543 có diện tích đất ở của hộ gia đình khác. Kết quả xác minh thực tế Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00932 thửa số 543, diện tích 14.943 m² vẫn cấp trôm lên đất nhà và vườn nhà bà U.

Tại Biên bản hòa giải tranh chấp quyền sử dụng đất ngày 22/4/2022; Báo cáo kết quả thẩm tra xác minh đơn kiến nghị giải quyết tranh chấp đất đai ngày 10/9/2024 xác định: vị trí đất tranh chấp nằm trong thửa đất số 543, tờ bản đồ số 01, diện tích tranh chấp khoảng 1.700 m². Tại phần đất tranh chấp có cây vầu, cây xa mộc đã lớn, phía bên ranh giới giáp với nhà ông Nông Văn L2 có thể hiện bằng đào rãnh và bậc ta luy, một bên giáp với thửa đất nhà cũ và vườn của ông Hoàng Quốc S. Về nguồn gốc thửa đất tranh chấp là do ông nội ông Hoàng Văn Đ tên là Hoàng Văn P1 (đã chết) mua lại với ông Hoàng Văn Đ1 (đã chết) tại xóm N cũ (nay là xóm V). Khoảng năm 1957, ông nội ông Hoàng Quốc S đã dựng nhà trên thửa đất được sử dụng và quản lý liên tục đến năm 2003 thì xảy ra tranh chấp. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri AG877891 cấp cho thửa

đất số 543, diện tích 14.943 m², tờ bản đồ số 01 bị thu hồi do cấp trùng diện tích đất ở của người khác.

Tại Báo cáo kết quả thẩm tra xác minh đơn khiếu nại của ông Hoàng Quốc S ngày 15/12/2015 xác định: Phần diện tích đất rừng tranh chấp gia đình ông S quản lý đến năm 2003; từ năm 2004, gia đình ông Hoàng Văn Đ đã trồng cây xa mộc và quản lý cho đến nay.

Tại biên bản làm việc ngày 25/6/2025, UBND thị trấn T cho biết: tiền bảo vệ rừng tự nhiên đối với thửa đất số 543, tờ bản đồ số 01, diện tích 14.943m² tại xóm V, thị trấn T do ông Hoàng Văn D nhận tiền năm 2019 với số tiền 440.000 đồng. Sau năm 2019 không nằm trong danh sách chi trả.

- Tại Biên bản Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 27/5/2025 xác định:

Kết quả thẩm định tại chỗ: Phần đất tranh chấp giữa ông Hoàng Quốc S với ông Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn C có diện tích 1.744,8 m² nằm trong thửa đất số 543, tờ bản đồ số 01, diện tích 14.943 m² (nay là thửa 490, tờ bản đồ số 3 diện tích 9.025,5 m²), có địa chỉ tại: Xóm V, thị trấn T (nay là xã T), tỉnh Cao Bằng. Có tứ cận tiếp giáp: Phía đông giáp phần đất nền nhà của ông Hoàng Quốc S và ông Hoàng Văn Đ đã được Tòa án giải quyết; phía tây giáp phần đất rừng của gia đình ông Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn C; phía nam giáp phần đất rừng của gia đình ông Nông Văn L2, được ngăn cách bằng đường rãnh hào sâu khoảng 30 cm; phía bắc giáp thửa đất số 53, 55, 57 tờ bản đồ số 95 của gia đình ông Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn C, được ngăn cách bằng đường rãnh hào sâu khoảng 30 cm. Hiện trạng trên đất: Trên đất trồng nhiều cây vầu, 01 cây hồi trên 15 năm tuổi, 02 cây sâu sâu, 185 cây sa mộc (gồm: 80 cây có chu vi tại vị trí 1,3m của cây là 0,15m, cao 12 m; 55 cây có chu vi tại vị trí 1,3m của cây là 0,65m, cao 12 m; 50 cây có chu vi tại vị trí 1,3m của cây là 0,45m, cao 12 m).

Kết quả định giá tài sản: Tài sản trên đất là toàn bộ số cây trên thửa đất tranh chấp đã kiểm đếm tại Biên bản định giá tài sản ngày 27/3/2025 có giá trị: 118.591.900 đồng.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Các bị đơn không nhất trí với yêu cầu của nguyên đơn. Nguyên đơn từ nơi khác chuyển đến và ở nhờ trên phần đất của ông nội bị đơn. Việc nguyên đơn cho rằng phần đất tranh chấp do ông bà để lại, nhưng nguyên đơn chỉ nghe bố mẹ nói lại, không có giấy tờ gì chứng minh. Về nguồn gốc đất đã được các cụ cao niên xác nhận là của gia đình bị đơn; gia đình bị đơn đã quản lý, sử dụng từ thời ông bà. Quá trình quản lý, sử dụng gia đình bị đơn cũng được chính quyền chi trả tiền

trông nom, quản lý rừng, được chính quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, việc bị thu hồi chỉ là do cấp trùng lên phần đất ở của người khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng) thực hiện giải quyết tranh chấp là đúng theo thẩm quyền quy định tại điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự phù hợp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 9 Điều 26, Điều 35, 39, 147, 157, 165, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 164, 221 BLDS 2015; Điều 100, 203 Luật Đất đai 2013 và điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí, tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; bị đơn ông Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn C được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp 1.744,8 m²; buộc nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản; nguyên đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật; đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Hoàng Quốc S khởi kiện tranh chấp đất rừng đối với bị đơn Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn C. Thửa đất tranh chấp có địa chỉ tại: Xóm V, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng (nay là xóm V, xã T, tỉnh Cao Bằng). Do đó, theo quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cao Bằng).

[2] Về nội dung

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Nguyên đơn cho rằng phần đất tranh chấp là do ông bà để lại, nguyên đơn đã tiếp quản và quản lý từ năm 1957 cho đến nay vẫn canh tác liên tục. Tuy

nhiên, nguyên đơn không làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không chứng minh được quá trình quản lý, sử dụng đất ổn định, liên tục; không cung cấp được thêm tài liệu nào chứng minh nguồn gốc đất thuộc sở hữu của mình; hộ của nguyên đơn cũng không nằm trong danh sách nhận tiền bảo vệ rừng tự nhiên hàng năm. Vì vậy, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại phần đất tranh chấp cho gia đình nguyên đơn là không có căn cứ.

Về nguồn gốc thửa đất 543, tờ bản đồ số 01, diện tích 14.943 m² (nay là thửa 490, tờ bản đồ số 3 diện tích 9.025,5 m²) có địa chỉ tại xóm V, xã T, tỉnh Cao Bằng: Tại Biên bản họp xóm ngày 04/11/2003; Biên bản hòa giải tranh chấp quyền sử dụng đất ngày 22/4/2022; Báo cáo kết quả thẩm tra xác minh đơn kiến nghị giải quyết tranh chấp đất đai ngày 10/9/2024; Báo cáo kết quả thẩm tra xác minh đơn khiếu nại của ông Hoàng Quốc S ngày 15/12/2015; lời khai của người làm chứng Hoàng Văn L đều xác nhận nguồn gốc thửa đất là do ông Hoàng Văn P1 là ông nội ông Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn C mua với ông Hoàng Văn Đ1; trên thực tế hộ gia đình ông Hoàng Văn D đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu năm 2001 sau đó đã bị thu hồi; được cấp lại lần hai vào năm 2009 nhưng tiếp tục bị thu hồi với lý do cấp trùng lên thửa đất của người khác. Như vậy khẳng định được nguồn gốc đất tranh chấp thuộc hộ gia đình ông Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn C. Việc bị thu hồi là do cơ quan chức năng cấp trùng lên phần đất ở của người khác.

Về quá trình quản lý, sử dụng: Từ nguồn gốc thửa đất xác định được, gia đình bị đơn vẫn khai thác, quản lý cả phần đất rừng tranh chấp. Từ năm 1995, gia đình ông Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn C đã trồng cây sa mộc trên phần đất tranh chấp; năm 2019, ông Hoàng Văn D được nhận tiền bảo vệ rừng tự nhiên đối với thửa đất số 543, tờ bản đồ số 1, diện tích 14.943 m². Như vậy thấy được gia đình ông Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn C vẫn liên tục quản lý, khai thác đối với thửa đất nêu trên.

Diện tích đất tranh chấp 1.744,8 m² nằm trong thửa đất số 543, tờ bản đồ số 01 (nay là thửa 490, tờ bản đồ số 3 diện tích 9.025,5 m²). Do đó, xác định diện tích đất tranh chấp thuộc quyền quản lý, sử dụng của bị đơn là có căn cứ.

[3] Về chi phí tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản trên đất. Trong đó chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 7.565.000 đồng; chi phí định giá tài sản: 1.700.000 đồng. Tổng chi phí tố tụng là: 9.265.000 đồng.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu chi phí thẩm định, định giá 9.265.000 đồng.

[4] Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 164, 221 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 26, 100, 203 Luật Đất đai năm 2013;

- Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165; Điều 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 26; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Quốc S.

2. Bị đơn ông Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn C được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp là 1.744,8 m² thuộc thửa đất số 543, tờ bản đồ số 01 (nay là thửa 490, tờ bản đồ số 3 diện tích 9.025,5 m²), có địa chỉ tại xóm V, xã T, tỉnh Cao Bằng. Có tứ cận tiếp giáp như sau: Phía đông giáp phần đất nền nhà của ông Hoàng Quốc S và ông Hoàng Văn Đ đã được Tòa án giải quyết; phía tây giáp phần đất rừng của gia đình ông Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn C; phía nam giáp phần đất rừng của gia đình ông Nông Văn L2, được ngăn cách bằng đường rãnh hào sâu khoảng 30 cm; phía bắc giáp thửa đất số 53, 55, 57 tờ bản đồ số 95 của gia đình ông Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn C, được ngăn cách bằng đường rãnh hào sâu khoảng 30 cm.

Ông Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn C có trách nhiệm liên hệ với cơ quan chức năng làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3. Về chi phí tố tụng:

Nguyên đơn ông Hoàng Quốc S phải chịu 9.265.000 đồng chi phí tố tụng (xác nhận nguyên đơn đã thực hiện xong).

4. Về án phí:

Ông Hoàng Quốc S phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- VKSND khu vực 3 - Cao Bằng;
- Thi hành án DS tỉnh Cao Bằng;
- UBND xã Trà Lĩnh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Quang Toàn